

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

I. Điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam

1. Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang cư trú ở nước ngoài có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam;

b) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;

c) Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; hoặc có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; hoặc có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoặc là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ.

Trường hợp trước đây đã có quốc tịch Việt Nam nhưng bị mất quốc tịch Việt Nam, thì chuyển sang làm thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam theo [hướng dẫn](#).

2. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

3. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

4. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:

a) Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;

b) Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II. Yêu cầu đối với giấy tờ trong hồ sơ

a) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Hiện nay, Việt Nam và Đức không có thỏa thuận về miễn hợp pháp hóa nên giấy tờ của Đức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.

b) Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Giấy tờ là bản sao phải được chứng thực theo quy định pháp luật hoặc xuất trình bản bản chính để đối chiếu; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

d) Nghiêm cấm các hành vi sau:

- Dùng giấy tờ giả, giấy tờ bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung; khai báo không trung thực, có hành vi gian dối để làm thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch;

- Dùng giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam để chứng minh đang có quốc tịch Việt Nam;

- Lợi dụng thẩm quyền được giao để cấp giấy tờ về quốc tịch Việt Nam, giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam trái quy định của pháp luật; xác nhận không có cơ sở, không đúng sự thật về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

- Lợi dụng việc nhập quốc tịch Việt Nam và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi được trở lại quốc tịch Việt Nam để xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam.

III. Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam

Hồ sơ được lập thành 03 bộ giống nhau. Mỗi bộ bao gồm các giấy tờ sau:

1. 01 Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam theo mẫu:

a) Sử dụng [mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.1](#) đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Sử dụng [mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.2](#) đối với người dưới 18 tuổi

Dán ảnh chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất vào ô tương ứng trong tờ khai; sử dụng ảnh giống nhau cho 03 bộ hồ sơ.

Đối với người dưới 18 tuổi ([mẫu TP/QT-2025-ĐXNQT.2](#)), thì phải có văn bản thỏa thuận theo [mẫu TP/QT-2025-VBTT](#) của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Đối với người từ đủ 15 tuổi nhưng dưới 18 tuổi thì trẻ cũng phải ký vào đơn cùng với cha/mẹ.

Đơn phải được ký trực tiếp (Originalunterschrift), không sử dụng chữ ký sao chụp.

2. 01 Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế (giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày, tháng, năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế); *Đối với người chưa đủ 18 tuổi, cần gửi kèm bản chụp hộ chiếu, thẻ căn cước của người giám hộ.*

3. 01 Bản khai lý lịch theo [mẫu TP/QT-2025-BKLL](#); có dán ảnh chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất.

Bản khai lý lịch phải được ký trực tiếp (Originalunterschrift), không sử dụng chữ ký sao chụp.

4. 01 Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp (Führungszeugnis) do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (*Bundesamt für Justiz*) cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

5. Giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được nhập quốc tịch Việt Nam khi đang cư trú ở nước ngoài:

- a) 01 Bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con đối với trường hợp có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam; hoặc
- b) 01 Bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; hoặc
- c) Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; hoặc
- d) Giấy tờ chứng minh việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- Người có tài năng vượt trội trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục

hoặc các lĩnh vực khác đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng hoặc được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương và có cơ sở cho thấy người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam;

- Doanh nhân, nhà đầu tư là cá nhân có hoạt động kinh doanh, đầu tư tại Việt Nam đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về việc người đó sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển của Việt Nam;

6. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:

a) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan theo [mẫu TP/QT-2025-VBCD](#) về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

b) Bản cam kết theo [mẫu TP/QT-2025-VBCK](#) không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.

7. 01 Bản sao Giấy khai sinh của con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

8. 01 bì thư có dán sẵn tem thư bảo đảm (*Einschreiben Einwurf*) và ghi địa chỉ nếu muốn nhận kết quả qua bưu điện.

IV. Khi nộp hồ sơ, người đề nghị được nhập quốc tịch Việt Nam nộp lệ phí lần 1 bao gồm lệ phí chứng thực bản dịch, hợp pháp hóa giấy tờ do phía Đức cấp và phí dịch thuật giấy tờ được lập bằng tiếng Đức để đáp ứng yêu cầu về hồ sơ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ. Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ, cán bộ xử lý sẽ liên hệ và thông báo cho khách.

Người đề nghị nộp hồ sơ cũng có thể làm thủ tục chứng thực chữ ký, chứng thực bản sao tại công chứng viên của Đức; thuê phiên dịch viên tuyên thệ (*beeidigte Übersetzer*) dịch sang tiếng Việt các giấy tờ tiếng Đức trong hồ sơ. Sau đó, hồ sơ cần được đưa tới tòa án vùng (*Landgericht*) để chứng thực chữ ký của công chứng viên/phiên dịch viên tuyên thệ, nếu không thuộc [danh sách công tác viên](#), và gửi tới Đại sứ quán để làm thủ tục hợp pháp hóa.

Khi nhận được thông báo đủ điều kiện để được trở lại quốc tịch Việt Nam, người đề nghị nộp lệ phí lần 2 là lệ phí nhập quốc tịch và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về việc đã mất quốc tịch nước ngoài nếu không được Chủ tịch nước cho phép được giữ quốc tịch nước ngoài.

V. Người đề nghị được nhập quốc tịch Việt Nam cần ghi chính xác địa chỉ và **số điện thoại liên lạc**, tốt nhất là điện thoại cầm tay, để bộ phận xử lý có thể liên hệ khi cần thiết. Trong thời gian nộp hồ sơ nếu có thay đổi địa chỉ, số điện thoại thì cần thông báo lại cho Đại sứ quán.

Nếu có câu hỏi hoặc thắc mắc về vấn đề quốc tịch, đề nghị liên lạc theo số máy (030) 53630 122 hoặc (030) 53630 108./.

Berlin, ngày 28 tháng 07 năm 2025